

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59 /2026/DS - ST
Ngày 03 tháng 8 năm 2026
“V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng QSDĐ, hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Triển và ông Đinh Quang Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị T - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10
- Phú Thọ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia
phiên toà:** Ông Phạm Tiến Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú
Thọ xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 224/2025/TLST - DS ngày
10 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2026/QĐXXST - DS
ngày 05 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ Thôn G, xã T,
tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: - Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1980; địa chỉ Thôn G, xã T, tỉnh
Phú Thọ, có mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ Thôn G, xã T, tỉnh Phú Thọ.
Hiện chị H đang chấp hành tại trại giam Tân Lập, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét
xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị
Nguyễn Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết là người cùng xã nên vào ngày 25/11/2021
anh B chị H có hỏi vay chị T số tiền 5.000.000.000 đồng. Vợ chồng anh B, chị
H có 02 thửa đất ruộng cụ thể: Thửa số 02 là tờ bản đồ số 11 thửa số 7 diện tích
373,9m ở trục hai, xã Tề Lỗ huyện Yên Lạc cũ nay là xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ

đứng tên bìa đỏ của ông Hoàng Xuân T, bà Nguyễn Thị T và Thửa số 01 là tờ bản đồ số 07 thửa số 19 diện tích 300m² mặt đường 303 xã Tề Lỗ huyện Yên Lạc cũ nay là xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ đứng tên bìa đỏ của ông Vũ Văn S. Sau khi trao đổi hai bên thống nhất chị T cho vợ chồng chị H anh B vay số tiền **5.000.000.000** đồng, lãi suất **150.000.000 đồng/ 1 tháng**, **tiền lãi thanh toán hàng tháng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày vay**. Tuy nhiên, hai bên không làm hợp đồng vay tiền, mà chị H, anh B viết giấy nhận tiền mua bán ruộng hai thửa ruộng và toàn bộ nhà xưởng trên hai thửa ruộng để đảm bảo cho khoản vay. Sau khi thống nhất chị T đã đưa cho anh B, chị H vay số tiền **5.000.000.000đ**. Chị H anh B đã nhận đủ số tiền **5.000.000.000đ** của chị T và đưa toàn bộ giấy tờ thủ tục chuyển nhượng bản gốc của hai thửa đất ruộng trên cho chị T. Sau khi cho vay khoảng **hơn 1 tháng, vợ chồng chị H, anh B chưa trả lãi thì chị H bị truy cứu trách nhiệm hình sự**. Đến nay, vợ chồng anh B, chị H chưa trả được khoản tiền nào cho chị T.

Nay chị T đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch **Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với 2 thửa ruộng nêu trên** ngày 25/11/2021 giữa chị và anh B, chị H vô hiệu. Buộc anh B, chị H phải trả chị T số tiền gốc 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) và tiền lãi chị T chỉ yêu cầu tính từ ngày 01/1/2022 đến hết ngày 03/8/2026 của số tiền gốc **5.000.000.000đ** với lãi suất 20%/năm

(5.000.000.000 đồng x 20%/năm x 55 tháng = **4.583.000.000** đồng), chị T chỉ yêu cầu trả tiền lãi làm tròn là 4.580.000đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm của tổng số tiền gốc 5.000.000.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm cho đến ngày chị H, anh B thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho chị T.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu số tiền án phí đối với yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu; về các khoản án phí khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra chị T không còn yêu cầu đề nghị gì khác.

Bị đơn là chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 16/04/2026 chị trình bày: Do chị T là người cùng xã nên vào ngày 25/11/2021 vợ chồng chị có cầm cố 02 thửa đất ruộng và lán xưởng trên đất, cụ thể: Thửa số 01 là tờ bản đồ số 07 thửa số 19 diện tích 300m², địa chỉ: mặt đường 303 xã Tề Lỗ huyện Yên Lạc cũ nay là xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ đứng tên bìa đỏ của ông Vũ Văn Sạch theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số MO 16362 do UBND huyện Yên Lạc cấp ngày 20/9/1998 và Thửa đất số 07 tờ bản đồ số 11 diện tích 373,9m² địa chỉ: ở trục hai, **xã Tề Lỗ**, huyện Yên Lạc cũ nay là xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ đứng tên bìa đỏ của ông Hoàng Xuân T, bà Nguyễn Thị T để vay của

chị T số tiền 5.000.000.000 đồng. Việc cầm cố 02 thửa đất ruộng này để vay số tiền 5.000.000.000đ của chị T chứ không có việc vợ chồng chị chuyển nhượng 02 thửa đất ruộng này cho chị T. Khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết tay, không làm hợp đồng ra công chứng, chứng thực gì. Không có việc bàn giao 02 thửa đất này cho chị T. Nay chị T khởi kiện quan điểm của chị đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị T và vợ chồng chị vô hiệu **chị đồng ý. Đối với yêu cầu trả nợ** chị H đồng ý trả lại chị T số tiền 5.000.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Do hiện nay chị đang đi chấp hành án nên đề nghị khi nào chị về chị sẽ trả cho chị T.

Bị đơn là anh B trình bày: Vợ chồng anh thừa nhận có vay của chị T số tiền 5.000.000.000 đồng, để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng anh đã viết giấy bán cho chị T 02 thửa đất ruộng như vợ anh là chị H đã trình bày ở trên. Mục đích là để cầm cố cho số tiền vay chứ không có việc chuyển nhượng 02 thửa đất ruộng này cho chị T, khi vay **chị H và chị T có thỏa thuận vay với mức lãi suất 150.000.000đ/5.000.000.000đ/tháng, thời hạn vay là 6 tháng.** Sau khi vay tiền của chị T được 01 tháng thì chị H bị bắt nên chưa trả lãi cho chị T. Nay chị T khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch tại Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với **2 thửa ruộng nêu trên giữa chị T và anh B, chị H vô hiệu anh B đồng ý. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T buộc vợ chồng anh phải trả chị T số tiền gốc 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) anh B đồng ý.** Về khoản tiền lãi chị T yêu cầu trả với mức lãi suất 20%/năm tương ứng số tiền 4.580.000.000đ thì anh không đồng ý, bởi do khi mới vay được 1 tháng thì **chị T đã yêu cầu vợ chồng anh trả nợ.** Do hiện nay vợ anh là chị H đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam nên không có khả năng trả nợ cho chị T ngay được, anh đợi khi nào chị H **đi chấp hành án phạt tù về thì vợ chồng anh sẽ thu xếp trả tiền cho chị T.**

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 BLTTDS năm 2015.

Bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 124, Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 2 Điều 5, Điều 6, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên;

Xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T;

+ Tuyên giao dịch Giấy bán ruộng ngày 25/11/2021 giữa chị Nguyễn Thị T và vợ chồng anh Nguyễn Ngọc B, chị Nguyễn Thị H đối với 2 thửa ruộng (gồm: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 300m², tọa lạc tại mặt đường 303 xã Tề Lỗ đứng tên bà ông Vũ Văn Sạch. Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 11, diện tích 373,9m² ở Trục 2, xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên bà ông là hộ ông Hoàng Xuân Thái) vô hiệu.

+ Buộc anh Nguyễn Ngọc B và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị T số tiền gốc 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 03/8/2026 tương ứng số tiền 4.580.000.000.

+ Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/8/2026) vợ chồng anh B, chị H tiếp tục chịu mức lãi suất 20%/ năm trên số nợ còn phải trả cho đến khi hoàn thành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho chị T.

- Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc chịu án phí đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu; anh B, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị T yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa chị Nguyễn Thị T với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc B có hiệu lực pháp luật, yêu cầu chị H, anh B thực hiện thủ tục bàn giao tài sản cho chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa chị Nguyễn Thị T với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc B là vô hiệu. Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc B trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày xét xử với lãi suất 20%/năm. Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu

cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

Bị đơn là chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Theo lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu do nguyên đơn, bị đơn giao nộp, các tài liệu do Tòa án thu thập Hội đồng xét xử thấy:

Đối với **Giấy** chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa chị T và chị H vào ngày 25/11/2021. Theo đó chị H, anh B có bán cho chị T 02 thửa ruộng, cụ thể: Thửa số 19 tờ bản đồ số 07 diện tích 300m địa chỉ: mặt đường 303 xã tề lỗ huyện Yên Lạc cũ nay là xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ và Thửa đất số 07 tờ bản đồ số 11 diện tích 373,9m địa chỉ: ở trục hai, xã tề lỗ huyện Yên Lạc cũ nay là xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chị H đã nhận đủ số tiền bán ruộng và nhà xưởng trên 02 thửa ruộng là 5.000.000.000 đồng, **nhận thấy:**

Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tổng số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là 5.000.000.000 đồng. Việc hai bên ký Giấy biên nhận tiền bán ruộng nêu trên nhằm mục đích để làm tin, đảm bảo cho khoản vay 5.000.000.000 đồng chứ không có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Xét Giấy biên nhận tiền bán ruộng thì: Số tiền nhận chuyển nhượng trùng với số tiền vay và các bên đều thừa nhận việc ký hợp đồng chuyển nhượng nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ; không nhằm mục đích thực hiện việc chuyển nhượng thực tế. Mặt khác, Theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự 2015, khi các bên xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm che giấu một giao dịch khác thì giao dịch giả tạo vô hiệu,... Do đó, có đủ căn cứ xác định **Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn là** giao dịch giả tạo và vô hiệu. Do vậy, cả nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng là vô hiệu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015 thì: “...khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận...”.

Về giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu. Do anh B, chị H chưa bàn giao quyền sử dụng đất cho chị T nên không phải yêu cầu chị T trả lại

quyền sử dụng đất nêu trên cho anh B, chị H

Đối với khoản tiền vay giữa chị T và anh B, chị H. Trong vụ án này, chị T và anh B, chị H đều xác định chị T và anh B, chị H đã giao kết hợp đồng vay tiền. Theo đó, chị T cho vợ chồng anh B, chị H vay số tiền 5.000.000.000đ, thỏa thuận mức lãi suất là 150.000.000đ/5.000.000.000đ/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 25/11/2021. Việc giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, chị T yêu cầu chị H, anh B trả lại số tiền gốc 5.000.000.000. Bị đơn là chị H anh B thừa nhận và đồng ý trả chị T số tiền 5.000.000.000đ nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về lãi suất vay: Tại giấy nhận tiền bán đất ruộng thể hiện chị H, anh B nhận tiền 5.000.000.000 của chị T cho vay nhưng không thỏa thuận lãi. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có thỏa thuận miệng vay số tiền gốc 5.000.000.000đ mỗi tháng anh B chị H trả 150.000.000 đồng tiền lãi cho chị T tức là 1.000đ/1triệu/1ngày (tương đương khoảng 36%/năm). Xét thấy, khi giao kết hợp đồng vay tiền 2 bên thỏa thuận mức lãi suất vay vi phạm quy định của pháp luật dân sự, cụ thể: vượt quá mức lãi suất tối đa pháp luật cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.

Tại mục 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất ...:

Mục 2 Điều 5 quy định:...“2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau: a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng....;

Nay, chị T yêu cầu tính lãi của số tiền cho vay 5.000.000.000 với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay 25/11/2021. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 03/8/2026 là 4.583.000.000 đồng nhưng làm tròn 4.580.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu buộc chị H, anh B phải thanh toán tổng số tiền nợ cả gốc và lãi là: 9.580.000.000 đồng. Xét thấy, Yêu cầu của chị T là có căn cứ và phù hợp với các quy của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị T buộc anh B, chị H tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/8/2026) với mức lãi suất 20%/năm trên dư nợ gốc là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất ...: nên được hội đồng xét xử chấp nhận;

Điểm a khoản 1 Điều 13 quy định: “..a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án...”.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá: Chị Nguyễn Thị T đã nộp toàn bộ chi phí và tự nguyện nhận chi trả toàn bộ khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán trả tiền được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 124, 131, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25 tháng 11 năm 2021 được ký kết giữa chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị H, **anh Nguyễn Ngọc B** là vô hiệu.

- Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc B phải có trách nhiệm thanh toán trả chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 5.000.000.000 đồng và

4.580.000.000 đồng tiền lãi; tổng số tiền nợ cả nợ gốc và lãi là 9.580.000.000 đồng.

- Kể từ ngày 04/8/2026 chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc B còn phải tiếp tục trả cho chị Nguyễn Thị T tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa trả (5.000.000.000 đồng) theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi thanh toán xong hết tiền nợ gốc.

Về án phí: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc B phải chịu **117.580.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số: 0006214 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV10;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Vân Hồng

